

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO
CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO HẢI ÂU

Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
đã được soát xét

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kết quả công tác soát xét	4
Báo cáo Tài chính đã được soát xét	5 - 21
Bảng cân đối kế toán	5 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 21

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, gia công giấy và các chế phẩm từ gỗ.

Tên giao dịch quốc tế của Công ty là: HaiAu Paper Joint Stock Company. Tên viết tắt là: HASCO.

Theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 3 số 0203000213 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày tháng 11 năm 2007, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh và gia công các sản phẩm giấy, sản phẩm chế biến từ lâm sản, sản phẩm bao bì, gỗ, vải giả, hòm hộp, khung cửa nhôm kính, kính trắng, kính màu;
- Kinh doanh thiết bị vật tư, máy móc, nguyên liệu, hóa chất thông thường.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 441A - Tôn Đức Thắng - An Dương - Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 32.894.800.000 VND (Ba mươi hai tỷ tám trăm chín mươi tư triệu tám trăm nghìn đồng)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Hải	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên
Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Minh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Thịnh	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thị Dung	Trưởng ban
Bà Ngô Thị Thu Trang	Ủy viên
Ông Lê Bá Hậu	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu có mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc

Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 07 năm 2010

Số: /2010/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

**Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
của Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu được lập ngày 08 tháng 07 năm 2010 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được trình bày từ trang 5 đến trang 21 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo hướng dẫn của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 Công tác Soát xét Báo cáo Tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; do đó công tác soát xét này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu tại ngày 30 tháng 06 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV
Hà Nội, ngày 31 tháng 07 năm 2010

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO HẢI ÂU

Số 441A - Tôn Đức Thắng - An Dương - Hải Phòng

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN		40,870,909,477	35,878,843,302
110	I Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1,765,633,062	2,968,890,756
111	1 Tiền		1,765,633,062	2,968,890,756
	1.2 Đầu tư ngắn hạn khác		-	-
129	2 Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	III Các khoản phải thu ngắn hạn		23,955,850,443	17,186,128,695
131	1 Phải thu của khách hàng		8,346,473,689	2,719,652,749
132	2 Trả trước cho người bán		1,386,130,185	887,103,510
135	3 Các khoản phải thu khác	4	14,916,096,879	14,272,222,746
139	4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(692,850,310)	(692,850,310)
140	IV Hàng tồn kho		10,872,632,919	10,576,462,628
141	1 Hàng tồn kho	5	10,872,632,919	10,576,462,628
150	V Tài sản ngắn hạn khác		4,276,793,053	5,147,361,223
152	1 Thuế GTGT được khấu trừ		1,223,950,689	1,544,877,708
158	2 Tài sản ngắn hạn khác		3,052,842,364	3,602,483,515
200	B TÀI SẢN DÀI HẠN		4,123,136,574	4,799,557,188
220	II Tài sản cố định		4,123,136,574	4,799,557,188
221	1 Tài sản cố định hữu hình	6	4,123,136,574	4,799,557,188
222	- Nguyên giá		14,061,579,520	14,045,579,520
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(9,938,442,946)	(9,246,022,332)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		44,994,046,051	40,678,400,490

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
300	A NỢ PHẢI TRẢ		9,594,887,452	5,094,713,438
310	I Nợ ngắn hạn		9,372,458,564	4,872,284,550
312	1 Phải trả người bán		2,936,222,496	1,915,980,557
313	2 Người mua trả tiền trước		149,877,850	75,893,033
314	3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7	3,037,764,682	2,003,158,844
315	4 Phải trả người lao động		273,543,000	308,722,000
316	5 Chi phí phải trả	8	121,760,000	355,207,815
319	6 Các khoản phải trả, phải nộp khác	9	2,628,728,620	59,034,385
323	7 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		224,561,916	154,287,916
330	II Nợ dài hạn		222,428,888	222,428,888
333	1 Phải trả dài hạn khác		135,000,000	135,000,000
336	2 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		87,428,888	87,428,888
400	B VỐN CHỦ SỞ HỮU		35,399,158,599	35,583,687,052
410	I Vốn chủ sở hữu	10	35,399,158,599	35,583,687,052
411	1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu		12,894,800,000	12,894,800,000
416	2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(121,888,034)
417	3 Quỹ đầu tư phát triển		17,764,720,830	13,281,462,872
418	4 Quỹ dự phòng tài chính		1,635,820,256	1,220,183,456
420	5 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3,103,817,513	8,309,128,758
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		44,994,046,051	40,678,400,490

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
1 Ngoại tệ các loại - USD		40,014.19	102,375.45

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO HẢI ÂU

Số 441A - Tôn Đức Thắng - An Dương - Hải Phòng

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
01	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	50,071,158,873	45,510,198,854
02	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		175,982,896	363,379,288
10	3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		49,895,175,977	45,146,819,566
11	4 Giá vốn hàng bán	12	45,600,428,779	41,057,570,076
20	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4,294,747,198	4,089,249,490
21	6 Doanh thu hoạt động tài chính	13	654,719,346	438,781,548
22	7 Chi phí tài chính	14	125,384,426	-
24	8 Chi phí bán hàng		179,829,429	167,942,003
25	9 Chi phí quản lý doanh nghiệp		797,989,104	608,375,973
30	10 Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		3,846,263,585	3,751,713,062
31	11 Thu nhập khác		292,159,766	349,307,919
32	12 Chi phí khác		-	-
40	13 Lợi nhuận khác		292,159,766	349,307,919
50	14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4,138,423,351	4,101,020,981
51	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15	1,034,605,838	717,678,672
52	16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3,103,817,513	3,383,342,309
70	18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	16	2,407	2,624

Vũ Thị Hiến

Nguyễn Thị Ngọc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO HẢI ÂU

Số 441A - Tôn Đức Thắng - An Dương - Hải Phòng

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
01	1 Lợi nhuận trước thuế		4,138,423,351	4,101,020,981
	2 Điều chỉnh cho các khoản		681,098,201	644,711,359
02	Khấu hao tài sản cố định		692,420,614	671,577,441
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11,322,413)	(26,866,082)
06	Chi phí lãi vay			
08	3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4,819,521,552	4,745,732,340
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		(6,383,370,104)	3,034,618,549
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(296,170,291)	1,847,552,814
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		816,334,176	4,779,363,338
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(1,439,667,131)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6,944,556,385	6,197,925,742
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7,099,451,825)	(6,738,288,845)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(1,198,580,107)	12,427,236,807
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
21	1 Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(16,000,000)	
27	2 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11,322,413	26,866,082
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(4,677,587)	26,866,082
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1,203,257,694)	12,454,102,889
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		2,968,890,756	6,558,550,940
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	1,765,633,062	19,012,653,829

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, gia công giấy và các chế phẩm từ gỗ.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 441A - Tôn Đức Thắng - An Dương - Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 32.894.800.000 VND (Ba mươi hai tỷ tám trăm chín mươi tư triệu tám trăm nghìn).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, gia công giấy và các chế phẩm từ gỗ.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 3 số 0203000213 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 11 năm 2007, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh và gia công các sản phẩm giấy, sản phẩm chế biến từ lâm sản, sản phẩm bao bì, gỗ, giấy da, hòm hộp, khung cửa nhôm kính, kính trắng, kính màu;
- Kinh doanh thiết bị vật tư, máy móc, nguyên liệu, hóa chất thông thường.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các loại tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền quý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	10 - 15 năm

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tài hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Theo giấy đăng ký kinh doanh lần 3 số 0203000213 ngày 12 tháng 11 năm 2007 vốn điều lệ của Công ty là 32.894.800.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2010, vốn điều lệ thực góp và đang phản ánh trên sổ sách Công ty là: 12.894.800.000 đồng.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VN) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi tiếp tục phân bổ vào chi phí trong vòng 5 năm tiếp theo.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự ki phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ng kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

CÔNG TY CỔ PHẦN HAPACO HẢI ÂU

Số 441A - Tôn Đức Thắng - An Dương - Hải Phòng

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/201

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2010	01/01/20
	VND	VN
Tiền mặt	401,411,741	30,002,17
Tiền gửi ngân hàng	1,364,221,321	2,938,888,58
Cộng	1,765,633,062	2,968,890,75

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010	01/01/20
	VND	VN
Phải thu Công ty CP Hapaco	13,858,823,476	12,771,164,47
Phải thu Công ty TM-XNK Hà Nội	931,194,525	1,431,194,52
Phải thu Công ty TNHH Hapaco Phương Đông	38,209,000	-
Phải thu Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	15,483,000	-
Phải thu khác	72,386,878	69,863,74
- Bảo hiểm xã hội (dư nợ 3383)	585,685	-
- Phải thu Thuế TNCN người lao động	48,553,400	-
- Phải thu khác	23,247,793	69,863,74
Cộng	14,916,096,879	14,272,222,74

5 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2010	01/01/20
	VND	VN
Hàng mua đang đi đường	-	553,201,09
Nguyên liệu, vật liệu	4,195,139,801	3,069,004,39
Công cụ, dụng cụ	164,640,625	138,692,41
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5,851,251,516	4,393,412,11
Thành phẩm	661,600,977	2,115,422,28
Hàng gửi đi bán	-	306,730,33
Cộng giá gốc hàng tồn kho	10,872,632,919	10,576,462,62

6 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2010	01/01/20
	VND	VN
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2,978,450,600	1,943,844,76
Thuế Thu nhập cá nhân	48,553,400	48,553,40
Các loại thuế khác	10,760,682	10,760,68

Cộng**3,037,764,682****2,003,158,84**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

8 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VNĐ
Trích trước tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	161,346,00
Trích trước phí kiểm toán năm 2009	55,000,000	55,000,00
Trích trước chi phí tiền điện	66,760,000	138,861,81
Cộng	121,760,000	355,207,81

9 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2010 VND	01/01/2010 VNĐ
Kinh phí công đoàn	49,768,620	21,632,31
Bảo hiểm xã hội	-	14,587,52
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,578,960,000	22,814,55
- <i>Cổ tức phải trả cổ đông</i>	2,578,960,000	-
- <i>Phải trả, phải nộp khác</i>	-	22,814,55
Cộng	2,628,728,620	59,034,38

10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VNĐ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12,894,800,000	12,894,800,00
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	12,894,800,000	12,894,800,00
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	12,894,800,000	12,894,800,00
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	2,578,960,000	1,934,025,00
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	2,578,960,000	1,934,025,00

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2010 ngày 04 tháng 06 năm 2010, Công ty công bố và chia cổ tức từ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 là 20%.

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ VND	Đầu kỳ VNĐ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1,289,480	1,289,48
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1,289,480	1,289,48
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1,289,480	1,289,48
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1,289,480	1,289,48

- Cổ phiếu phổ thông	1,289,480	1,289,48
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10,000	10,00

e) Các quỹ công ty

	Cuối kỳ VND	Đầu VN
Quỹ đầu tư phát triển	17,764,720,830	13,281,462,87
Quỹ dự phòng tài chính	1,635,820,256	1,220,183,45
Cộng	19,400,541,086	14,501,646,32

11 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đ 30/06/20 VN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	50,071,158,873	45,510,198,85
Cộng	50,071,158,873	45,510,198,85

12 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đ 30/06/20 VN
Giá vốn của hàng hoá và dịch vụ cung cấp	45,600,428,779	41,057,570,07
Cộng	45,600,428,779	41,057,570,07

13 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đ 30/06/20 VN
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11,322,413	26,866,08
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	643,396,933	411,915,46
Cộng	654,719,346	438,781,54

14 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đ 30/06/20 VN
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	125,384,426	-
Cộng	125,384,426	-

15 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2010 đ 30/06/20 VN
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4,138,423,35
Các khoản điều chỉnh tăng	
Các khoản điều chỉnh giảm	
Thu nhập chịu thuế	4,138,423,35
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 25%)	1,034,605,83

16 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đ 30/06/20 VN
Tổng lợi nhuận sau thuế	3,103,817,513	3,383,342,30
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3,103,817,513	3,383,342,30
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1,289,480	1,289,48
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,407	2,62

18 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố tr Báo cáo tài chính.

19 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Từ 01/01/2009 đ 30/06/20 VN
Doanh thu bán hàng			
- Công ty Cổ phần HAPACO	Công ty mẹ	-	7,510,771,93
- Công ty CP HAPACO Yên Sơn	Thành viên TCT	174,232,878	87,370,81
- Công ty CP HAPACO H.P.P	Thành viên TCT	-	121,679,90
- Công ty CP HAPACO Phương Đông	Thành viên TCT	8,396,359,610	473,426,04
Mua hàng			
- Công ty Cổ phần HAPACO	Công ty mẹ	-	9,308,180,18
- Công ty CP HAPACO Phương Đông	Thành viên TCT	13,576,475,000	7,918,668,00
- Công ty CP HAPACO H.P.P	Thành viên TCT	7,138,590,570	121,746,26

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	30/06/2010 VND	30/06/20 VN
Phải thu			
- Công ty CP HAPACO H.P.P	Thành viên TCT	-	28,917,09
- Công ty CP HAPACO	Công ty mẹ	13,858,823,476	703,880,37

- Công ty CP HAPACO Yên Sơn	Thành viên TCT	147,807,500	91,544,26
Phải trả			
- Công ty CP HAPACO Phương Đông	Thành viên TCT	1,806,186,027	3,256,361,98
- Công ty CP HAPACO H.P.P	Thành viên TCT	383,000,056	

20 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán Kiểm toán (AASC) soát xét.

Vũ Thị Hiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Ngọc
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 08 tháng 07 năm 2010

6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc
I. Nguyên giá	
1. Số dư đầu năm	3,581,924,855
2. Số tăng trong năm	-
- Mua sắm mới	
3. Số dư cuối năm	3,581,924,855
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế	
1. Số dư đầu năm	2,588,551,284
2. Số tăng trong năm	161,205,180
- Trích khấu hao	161,205,180
3. Số dư cuối năm	2,749,756,464
III. Giá trị còn lại	
1. Đầu năm	993,373,571
2. Cuối năm	832,168,391

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng	Show all
			Show
10,360,284,726	103,369,939	14,045,579,520	
16,000,000	-	16,000,000	
16,000,000		16,000,000	
10,376,284,726	103,369,939	14,061,579,520	
6,554,101,109	103,369,939	9,246,022,332	
531,215,434	-	692,420,614	
531,215,434		692,420,614	
7,085,316,543	103,369,939	9,938,442,946	
3,806,183,617	-	4,799,557,188	
3,290,968,183	-	4,123,136,574	

CDKT

Năm nay

Năm trước

14,045,579,520

-

14,061,579,520

-

-

9,246,022,332

-

9,938,442,946

-

4,799,557,188

-

4,123,136,574

-

-

10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển
Số dư đầu năm trước	12,894,800,000	-	10,866,378,994
Tăng vốn trong năm trước	-	-	2,415,083,878
Lãi trong năm trước	-	-	-
Tăng khác	-	(121,888,034)	-
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-
Trích lập quỹ trong năm trước	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước	12,894,800,000	(121,888,034)	13,281,462,872
Tăng vốn trong năm nay	-	-	4,483,257,958
Lãi trong năm nay	-	-	-
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-
Trích lập quỹ trong năm nay	-	-	-
Giảm khác	-	(121,888,034)	-
Số dư cuối năm nay	12,894,800,000	-	17,764,720,830

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	
	VND	%
Vốn góp của Công ty CP Hapaco	6,774,500,000	53%
Vốn góp của đối tượng khác	6,120,300,000	47%
Cộng	12,894,800,000	100%

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: VND			Show all
Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	Show
862,998,007	5,420,710,725	30,044,887,726	
357,185,449	-	2,772,269,327	
-	8,312,736,301	8,312,736,301	
-	-	(121,888,034)	
-	1,934,025,000	1,934,025,000	
-	3,486,685,725	3,486,685,725	
-	3,607,543	3,607,543	
1,220,183,456	8,309,128,758	35,583,687,052	35,583,687,052
415,636,800	-	4,898,894,758	
-	3,103,817,513	3,103,817,513	
-	2,578,960,000	2,578,960,000	
-	5,730,168,758	5,730,168,758	
-	-	(121,888,034)	
1,635,820,256	3,103,817,513	35,399,158,599	35,399,158,599

-